

BẢNG THÔNG TIN GIÁ CƯỚC VẬN TẢI CONTAINER

I. Giá cước vận tải container quốc tế

a) Giá cước vận tải container tuyến nội địa:

Không có

b) Giá cước vận tải container tuyến quốc tế (dành cho hàng khô thông thường):

STT	Tên hãng tàu	Tuyến		Giá hiệu lực từ 01/05/2025 Ngày niêm yết 01/04/2025		Giá hiệu lực từ 01/05/2025 Ngày niêm yết 01/04/2025	
		Từ	Đến	20' dry	40' dry	20' dry	40' dry
1	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Antwerp, Hamburg, Le Havre, Rotterdam				
2	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Genoa, La Spezia, Fos, Barcelona, Valencia, Ashdod, Istanbul, Aliaga, Izmit, Mersin, Piraeus	https://eua.one-line.com/tariff			
3	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Southampton, London Gateway				
4	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Los Angeles, Long Beach, Tacoma, Vancouver, Oakland	https://ecommm.one-line.com/one-ecom/prices/tariff-rate-item-search			
5	ONE	Hochiminh, Cai Mep	New York, Norfolk, Savannah, Jacksonville, Halifax, Charleston				
6	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Melbourne, Sydney, Fremantle, Adelaide, Brisbane	USD 6,000	USD 12,000	VND 157,800,000	VND 315,600,000
7	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Auckland, Lyttelton, Napier, Tauranga	USD 6,000	USD 12,000	VND 157,800,000	VND 315,600,000
8	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Kobe, Nagoya, Shimizu, Tokyo, Yokohama, Yokkaichi	USD 1,800	USD 3,600	VND 47,340,000	VND 94,680,000
9	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Kaohsiung, Taichung, Taipei	USD 800	USD 1,600	VND 21,040,000	VND 42,080,000
10	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Hong Kong, Singapore	USD 800	USD 1,600	VND 21,040,000	VND 42,080,000
11	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Shekou, Huangpu, Yantian	USD 800	USD 1,600	VND 21,040,000	VND 42,080,000
12	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Shanghai, Qingdao, Ningbo, Lianyungang	USD 900	USD 1,800	VND 23,670,000	VND 47,340,000
13	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Jakarta, Surabaya, Semarang, Manila North, Yangon	USD 1,500	USD 2,600	VND 39,450,000	VND 68,380,000
14	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Jebel Ali, Cochin, Karachi, Damman, Nhava Sheva, Chennai, Mundra, Pipavav, Colombo, Chittagong	USD 6,000	USD 9,000	VND 157,800,000	VND 236,700,000
15	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Mombasa, Dar Es Salaam	USD 6,000	USD 9,000	VND 157,800,000	VND 236,700,000
16	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Dakar, Apapa, Tincan, Tema, Abidjan, Cotonou, Lome	USD 9,000	USD 13,000	VND 236,700,000	VND 341,900,000
17	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Durban, Cape Town	USD 9,000	USD 14,000	VND 236,700,000	VND 368,200,000
18	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Caucedo, Cartagena, Manzanillo	USD 18,000	USD 19,000	VND 473,400,000	VND 499,700,000
19	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Callao, Lirquen, Valparaiso, Iquique, Lazaro Cardenas, Manzanillo, Buenaventura, Guayaquil	USD 14,000	USD 15,000	VND 368,200,000	VND 394,500,000
20	ONE	Hochiminh, Cai Mep	Santos, Buenos Aires, Montevideo, Panaragua, Navegantes, Rio Grande, Rio de Janeiro	USD 17,000	USD 18,000	VND 447,100,000	VND 473,400,000

Giá từ Hải Phòng cộng thêm USD200/400 (5,090,400 VND/10,180,800 VND) cho container 20'/40' trên giá Cái Mép

Giá từ Đà Nẵng/Quy Nhơn cộng thêm USD450/650 (11,453,400 VND/16543800 VND) cho container 20'/40' trên giá Cái Mép

Giá đã bao gồm thuế, phí

Công ty Ocean Network Express Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

